TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh H với chị M"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Hải;

Bà Trần Thị Nhẫn.

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Thân Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2025 (số 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên cũ) về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang H năm 2001;

Nơi thường trú: tổ dân phố T, xã T, tỉnh Bắc Ninh

Căn cước công dân số 024201012246 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/9/2022, (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Hà Thị M năm 2005;

Nơi thường trú: tổ dân phố T, xã T, tỉnh Bắc Ninh,

Nơi ở hiện tại: thôn L, xã P, tỉnh Bắc Ninh

Căn cước công dân số 072305006592 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/5/2022, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Quang H1 bày:

Anh và chị Hà Thị M1 hôn ngày 13/6/2023, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, tỉnh Bắc Giang (nay là xã T, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, anh và chị M15 thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị M về làm

dâu tại gia đình anh ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Tháng 8/2024, chị M2 về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh xin ly hôn với chị M.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 15/12/2021, hiện do anh nuôi dưỡng. Ly hôn, anh nhận nuôi con và không yêu cầu chị Mcấp D nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H có đơn xin vắng mặt.

* Đối với chị Hà Thị M3 bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại các buổi làm việc của Tòa án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị M4 vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thông báo cho chị M về các chứng cứ thu thập được trong vụ án thông qua mẹ của chị M, nhưng chị M5 trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của minh.

Tại phiên tòa, chị M6 mặt.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Dương Thị X mẹ đẻ của chị Mxác định: Anh Hchị M7 hôn năm 2023, sau khi kết hôn vợ chồng về gia đình anh H3 sống. Năm 2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị M11 về gia đình bà ở từ đó đến nay. Bà đã giao các văn bản tố tụng cho chị MSau khi nhận văn bản, chị M15 ý kiến: vợ chồng không thể đoàn tụ được, do chị bận làm ăn nên không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

* Qua xác minh với bà Dương Thị S mẹ đẻ của anh H4 Scung cấp: năm 2021, anh H5 chị M15 quan hệ tình cảm với nhau, khi đó chị M8 đủ 16 tuổi, sau đó chị M15 thai và về nhà bà ở. Năm 2023, anh H và chị M9 ký kết hôn. Năm 2024, vợ chồng anh H6 Mmâu thuẫn, sau đó chị M11 làm đơn tố cáo anh H7 cấu với chị M10 chị M8 đủ 16 tuổi, nên anh H20 chịu án hình sự và phải bồi thường cho chị MDo đó, vợ chồng mâu thuẫn càng trầm trọng. Anh Hchị M11 ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay, kể từ khi ly thân, anh H8 người trực tiếp nuôi con, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nay anh H9 nuôi con, nếu anh H11 nuôi con thì vợ chồng bà sẽ cùng giúp anh H10 sóc cháu.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về

thành phần, nguyên tắc xét xử; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật Tốdân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, xử:

Cho anh Nguyễn Quang H11 ly hôn với chị Hà Thị M12.

Về con chung: Giao cho anh H12 con chung, về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh H20 chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh H13 ly hôn với chị M13 tranh chấp về nuôi con, chị M15 nơi cư trú tại tổ dân phố T, xã T, tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tốtụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang H14 hôn cùng chị Hà Thị M14 13/6/2023, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C(nay là xã T cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Đến tháng 8/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh H15 chị M11 được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay. Nay anh H16 định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh xin ly hôn với chị M. Qua xác minh tại địa phương và gia đình đều thể hiện vợ chồng anh Hchị M15 xảy ra mâu thuẫn và có thời gian ly thân. Như vậy, có thể thấy vợ chồng anh H6 Mmâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh H13 ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hônvà gia đình xử cho anh H11 ly hôn với chị M.

[3] Về con chung: Anh H6 Mcó 01 con chung là Nguyễn Trung K1 ngày 15/12/2021, kể từ khi ly thân đến nay anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh H16 định đang làm công nhân có thu nhập hàng tháng là 9.000.000 đồng, thời gian làm việc từ 7 giờ đến 18 giờ hàng ngày và anh đang ở cùng bố mẹ nên khi anh đi làm thì bố mẹ giúp chăm sóc cháu, nên có đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, kể từ thời điểm ly thân đến nay, anh H là người trực tiếp nuôi con, khi anh H12 con thì cháu phát triển tốt. Đối với chị M16 chị M17 đi làm ăn, ít khi về nhà nên không thể trông nom, chăm sóc tốt về mọi mặt cho

con. Như vậy, điều kiện nuôi con của anh H17 hơn chị M. Để đảm bảo quyền lợi cho con và tránh làm xáo trộn cuộc sống của con chung khi ly hôn, cần giao cho anh H12 con là phù hợp với Điều 81 Luật Hônvà giađình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh H18 yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh H yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H20 chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dânđiểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thườngvụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điềuvà khoản 1 ĐiềuBộ luật Tốtụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tốdân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hônvà giađiểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thườngvụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Quang H11 ly hôn với chị Hà Thị M12

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Quang H19 tiếp nuôi con Nguyễn Trung K1 ngày 15/12/2021.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quang H20 chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh H21 nộp theo biên lai thu số 0002297 ngày 24/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Bắc Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thián dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 - Bắc Ninh
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tư Duy